

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-PT

Ngày: 03 - 3 - 2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Lâm Triệu Hữu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DSST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950.

2/ Anh Dương Minh T1, sinh năm 1973.

3/ Anh Dương Minh T2, sinh năm 1975.

4/ Anh Dương Quốc Đ1, sinh năm 1980.

5/ Anh Dương Quốc V1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

6/ Chị Dương Thị Thùy T3, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 có: ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền ngày 18/9/2020, có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 có: ông Phạm Minh T4— Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Minh T2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1954 (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 (có mặt).

3/ Bà Dương Thị N2, sinh năm 1970.

Cùng trú tại: ấp H, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị N2 có: bà Lê Thị Minh H2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy ủy quyền ngày 02/7/2020, có mặt).

4/ Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Ngọc T6, sinh năm 1957 (vợ ông T5, vắng mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh năm 1985 (con ông T5, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh Nguyễn Huỳnh K2, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (con ông T5, vắng mặt).

4/ Chị Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (con ông T5, vắng mặt).

5/ Chị Nguyễn Thanh T7, sinh năm 1990 (con ông C, vắng mặt).

6/ Chị Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1996 (con ông C, vắng mặt).

7/ Bà Trương Lệ T8, sinh năm 1967 (vợ ông C, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

8/ Anh Nguyễn Thanh L2, sinh năm 1991 (con bà N2, vắng mặt).

9/ Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1992 (con bà N2, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

10/ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ2, sinh năm 1976 (con ông K1, vắng mặt).

11/ Anh Nguyễn Hoàng K3, sinh năm 1978 (con ông K1, vắng mặt).

12/ Chị Nguyễn Thị Hồng T9, sinh năm 1980 (con ông K1, vắng mặt)

13/ Chị Nguyễn Thị Trúc H3, sinh năm 1983 (con ông K1, vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

14/ Bà Nguyễn Thị Thu V2, sinh năm 1957 (vợ ông K1 - chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Vân là: Ông Nguyễn Văn K1, chị Nguyễn Thị Hồng Đ2, anh Nguyễn Hoàng K3, chị Nguyễn Thị Hồng T9, chị Nguyễn Thị Trúc H3. Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 có ông Đoàn Văn H1 làm đại diện trình bày: Thừa đất số 972B, tờ bản đồ số 0006, diện tích 343m² loại đất thổ quả tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long được Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/10/1995 do Dương Văn B(đã chết) đứng tên. Nguồn gốc thửa đất này mua lại từ ông Võ Văn Thanh năm 1970. Năm giáp ranh thửa đất 972B các thửa đất như sau: Thửa số 971 diện tích 159m² do hộ ông Nguyễn Văn T5 đứng tên, thửa số 970 diện tích 681m² do hộ ông Nguyễn Văn K1 đứng tên, thửa số 1069 diện tích 96m² do hộ ông Nguyễn Văn C đứng tên và thửa số 1070 diện tích 130m² do bà Dương Thị N2 đứng tên. Bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 là vợ và con của ông Dương Văn B cho rằng ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị N2 lấn ranh nên khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2015 và đơn khởi kiện ngày 22/3/2016 của bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T5 trả lại 36,25m², ông Nguyễn Văn K1 trả lại 42m², ông Nguyễn

Văn C trả lại $15,15\text{m}^2$ và bà Dương Thị N2 trả lại $28,1\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 972B, tờ bản đồ số 0006, diện tích 343m^2 loại đất thổ quả tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn bà Dương Thị N2 có chị Lê Thị Minh H2 trình bày: Đất hai bên giáp nhau là con mương, mỗi bên $\frac{1}{2}$ mương. Lúc kê khai đất ông B tự ý kê khai luôn con mương. Năm 2000 khi đo đạc chị T3 chị ranh bà N2 cũng đồng ý, hai bên có cắm trụ đá hiện nay vẫn còn. Ngày 10/7/2000 bà Phan Thị Lang có làm đơn xin xác nhận lại hiện trạng ranh đất và được cán bộ địa chính xã P nhận diện tích có sai với thực tế và ông B đã đồng ý trả lại đất cho bà N2, sau đó bà N2 xây nhà kiên cố tới nay. Bà N2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T5 trình bày: Nguồn gốc đất ông T5 đang ở là mua lại từ ông Nguyễn Văn K1 (9 K1) vào năm 1989 có chiều ngang 7,5m và dài 21,2m thuộc thửa 971 – diện tích 159m^2 , tờ bản đồ số 6, loại đất thổ, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, đã được UBND huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất giáp ranh với đất ông Dương Văn B, khi ông B còn sống hai bên đã thống nhất ranh đất. Năm 1994 ông T5 mua thêm của ông K1 65m^2 đất nối liền thửa đất cũ để nối nhà cho rộng hơn, lúc đó chưa có đo đạc đăng ký lại nên ông K1 vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2014 sau chương trình đo Vlap thì diện tích của ông T5 là $224,3\text{m}^2$ (tăng $65,3\text{m}^2$ thuộc thửa 77. Lúc này ông B đã chết nên vợ và con ông B cho rằng ông T5 lấn ranh nên khởi kiện. Nay ông T5 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Nguồn gốc đất là của ông C mua lại từ người khác vào năm 2002, trên thửa đất 973B, diện tích 96m^2 có sẵn căn nhà mà hiện nay ông C đang ở. Lúc mua có tứ cận rõ ràng và có sẵn trụ đá. Thửa đất này giáp với thửa 972B của ông Dương Văn B. Sau này mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ lúc mua đất không có tranh chấp gì với ai, cho đến khi vợ con ông B khởi kiện cho rằng ông C lấn đất. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K1 trình bày: Thửa đất 76 gắn liền căn nhà đang ở có nguồn gốc do cha mẹ để lại, ông K1 được UBND huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/9/1999. Trước giải phòng gia đình ông K1 và gia đình bà Lang có chung một ranh đất. Sau ngày giải phóng ông Dương Văn B đến chiếm dụng căn nhà ở, lúc đầu chỉ có nền nhà sau đó lấn dần ra phía sau. Gia đình bà Lang có khiếu nại nhiều lần nhưng không giải quyết được. Ông K1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 52/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã xử:

- Các Điều 144, 147, 150, 155, 157, 158, 163, 165, 166, 266, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 3, 100 và Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

- Điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T5 trả lại phần diện tích 25,9m² loại đất ONT chiết thửa 971-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Công nhận hộ ông Nguyễn Văn T5 được quyền sử dụng phần diện tích 25,9m² loại đất ONT chiết thửa 971-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K1 trả lại phần diện tích 32,5m² trong đó có 31m² loại đất CLN chiết 970-2 và 1,5m² loại đất ONT chiết thửa 972-5 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

4. Công nhận hộ ông Nguyễn Văn K1 được quyền sử dụng phần diện tích 31m² loại đất CLN chiết thửa 970-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017)

5. Công nhận các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 được quyền sử dụng phần diện tích 1,5m² loại đất ONT chiết thửa 972-5 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

6. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần diện tích 21,3m² trong đó có 9,9m² loại đất CLN chiết 1069 -2 và 11,4 loại đất ONT chiết thửa 972-4 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

7. Công nhận ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần diện tích $9,9\text{m}^2$ loại đất CLN chiết thửa 1069-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

8. Buộc ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền 19.266.000đ (Mười chín triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) giá trị $11,4\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972 - 4 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cho bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3.

9. Công nhận ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng $11,4\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972 - 4 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

10. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu bà Dương Thị N2 trả lại phần diện tích 28,1 trong đó có $25,9\text{m}^2$ loại đất CLN chiết 1070 -2 và $2,2\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972-3 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

11. Buộc bà Dương Thị N2 phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền 3.718.000đ (Ba triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng) giá trị $2,2\text{m}^2$ loại đất CLN chiết thửa 972-3 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cho bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3.

12. Công nhận bà Dương Thị N2 được quyền sử dụng $2,2\text{m}^2$ loại đất CLN chiết thửa 972 - 3 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

13. Công nhận bà Dương Thị N2 được quyền sử dụng $25,9\text{m}^2$ loại đất CLN chiết thửa 1069-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

Các đương sự phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đất, định giá tài sản về án phí sơ thẩm, về nghĩa vụ thi hành án và về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Ngày 17/9/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1/ Công nhận phần đất tranh chấp giữa chúng tôi với ông Nguyễn Văn C có diện tích $21,3m^2$ là thuộc quyền sử dụng của chúng tôi. Buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho chúng tôi phần đất lấn chiếm có diện tích $21,3m^2$.

2/ Công nhận phần đất tranh chấp giữa chúng tôi với ông Nguyễn Văn T5 có diện tích $25,9m^2$ là thuộc quyền sử dụng của chúng tôi. Buộc ông Nguyễn Văn T5 trả lại cho chúng tôi phần đất lấn chiếm có diện tích $25,9m^2$.

3/ Công nhận phần đất tranh chấp giữa chúng tôi với ông Nguyễn Văn K1 có diện tích $32,5m^2$ là thuộc quyền sử dụng của chúng tôi. Buộc ông Nguyễn Văn K1 trả lại cho chúng tôi phần đất lấn chiếm có diện tích $32,5m^2$.

4/ Công nhận phần đất tranh chấp giữa chúng tôi với bà Dương Thị N2 có diện tích $28,1m^2$ là thuộc quyền sử dụng của chúng tôi. Buộc ông Dương Thị N2 trả lại cho chúng tôi phần đất lấn chiếm có diện tích $28,1m^2$.

5/ Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm có quyết định khảo sát, đo đạc lại phần đất tranh chấp để việc giải quyết được chính xác bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 có ông Đoàn Văn H1 làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay. Xét lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn T5 và bà Đoàn Thị N2 có bà Lê Thị Minh H2 làm đại diện không đồng ý theo kháng cáo của nguyên đơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Do bà N1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 03/9/2020, đến ngày 17/9/2020 bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định, các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, riêng bà Nguyễn Thị N1 là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt họ là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Dương Văn B được Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 972B, diện tích 343m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Liên kề với đất của ông B là đất của ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị N2. Ông Dương Văn B qua đời để lại thừa đất số 972B, diện tích 343m² cho vợ và con là bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng đất bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 cho rằng ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn T5 và bà Dương Thị N2 lấn chiếm đất nên khởi kiện.

Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn T5 và bà Dương Thị N2 xác định không có lấn chiếm đất của bà Nguyễn Thị N1, anh

Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3 nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện.

[2] Tại trích đo hiện trạng khu đất ngày 17/9/2021 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long đã xác định

+ Có 39,3m², gồm các mốc A, 2, B, 9, A tranh chấp với bị đơn ông Nguyễn Văn T5. Trên đó có nhà tường, mái che do ông Nguyễn Văn T5 đang sử dụng.

+ Có 14,9m², gồm các mốc 9, B, 3, C, 13, 32, 9 tranh chấp với bị đơn ông Nguyễn Văn K1. Trên đó có nhà tường do ông Nguyễn Văn K1 đang sử dụng.

+ Có 20,5m², gồm các mốc D, 10, 11, 12, 13, C, 4, D tranh chấp với bị đơn ông Nguyễn Văn C. Trên đó có nhà tường do ông Nguyễn Văn C đang sử dụng.

+ Có 28,4m², gồm các mốc 5, 25, 26, 12, 11, 10, D, 5 tranh chấp với bị đơn bà Dương Thị N2. Trên đó có nhà tường do bà Dương Thị N2 đang sử dụng.

[3] Tại công văn số 3898/STNMT ngày 08/11/2021 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Vĩnh Long phúc đáp công văn số 455/TAT-DS ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, phúc đáp như sau: Hiện trạng sử dụng đất của các đương sự có biến động lớn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tư liệu chương trình đất) nên Sở Tài nguyên và Môi trường không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 với các bị đơn ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Văn C, bà Dương Thị N2, ông Nguyễn Văn K1 thuộc thửa nào, do ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nội dung này được thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính ngày 17/9/2021).

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đoàn Văn H1 đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn cũng không chứng minh được phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn với các bị đơn là thuộc thửa 972B do ông Dương Văn B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn K1, ông Nguyễn Văn C, bà Dương Thị N2 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với bị đơn ông Nguyễn Văn T5 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất đất ngày 07/8/2017 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Hồ là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Xét đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở, nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo ko được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm. Do bà Nguyễn Thị N1 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Về chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ tiền chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị Dương Thị Thùy T3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2020/DS-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Căn cứ các Điều 144, 147, 150, 155, 157, 158, 163, 165, 166, 266, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, 100 và Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12, 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T5 trả lại phần diện tích 25,9m² loại đất ONT chiết thửa 971-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

1.1. Công nhận hộ ông Nguyễn Văn T5 được quyền sử dụng phần diện tích 25,9m² loại đất ONT chiết thửa 971-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn K1 trả lại

phần diện tích $32,5\text{m}^2$ trong đó có 31m^2 loại đất CLN chiết 970-2 và $1,5\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972-5 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2.1. Công nhận hộ ông Nguyễn Văn K1 được quyền sử dụng phần diện tích 31m^2 loại đất CLN chiết thửa 970-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

2.2. Công nhận các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 được quyền sử dụng phần diện tích $1,5\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972-5 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần diện tích $21,3\text{m}^2$ trong đó có $9,9\text{m}^2$ loại đất CLN chiết 1069-2 và $11,4$ loại đất ONT chiết thửa 972-4 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

3.1. Buộc ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền 19.266.000đ (mười chín triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) giá trị $11,4\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972-4 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cho bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3.

3.2. Công nhận ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng $11,4\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972-4 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

3.3. Công nhận ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần diện tích $9,9\text{m}^2$ loại đất CLN chiết thửa 1069-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3 về việc yêu cầu bà Dương Thị N2 trả lại phần diện tích 28,1 trong đó có $25,9\text{m}^2$ loại đất CLN chiết 1070-2 và $2,2\text{m}^2$ loại đất ONT chiết thửa 972-3 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

4.1. Buộc bà Dương Thị N2 phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền 3.718.000đ (Ba triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng) giá trị $2,2\text{m}^2$ loại đất CLN chiết thửa 972-3 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cho bà Nguyễn Thị N1, anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1, chị Dương Thị Thùy T3.

4.2. Công nhận bà Dương Thị N2 được quyền sử dụng 2,2m² loại đất CLN chiết thửa 972-3 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

4.3. Công nhận bà Dương Thị N2 được quyền sử dụng 25,9m² loại đất CLN chiết thửa 1069-2 tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/8/2017).

5. Các đương sự phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

6. Về án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N1. Anh Dương Minh T1, anh Dương Minh T2, anh Dương Quốc Đ1, anh Dương Quốc V1 và chị DươngThị Thùy T3 mỗi người phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền tạm ứng số 0006046, 0006047, 0006048, 0006049, 0006050 cùng ngày 22/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, nên không phải nộp thêm.

7. Về chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm: Các nguyên đơn phải nộp toàn bộ tiền chi phí đo đạc tại cấp phúc thẩm là 5.684.000đ. Ông Đoàn Văn H1 đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc số tiền 10.000.000đ. Số tiền này được trừ vào tiền chi phí đo đạc, còn lại 4.316.000đ hoàn trả cho các nguyên đơn do ông Đoàn Văn H1 đã nhận xong.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

9. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐẶNG VĂN LỘC